

Số: /BC-UBND

Vĩnh Bảo, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 – 2026

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng

Thực hiện Công văn số 2659/SGDDĐT-VP ngày 11/5/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về việc báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026; trên cơ sở báo cáo của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Trên địa bàn xã có 16 cơ sở giáo dục trực thuộc, gồm 06 trường mầm non, 06 trường tiểu học và 04 trường trung học cơ sở.

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vĩnh Bảo phối hợp với các cơ sở giáo dục trên địa bàn trong việc rà soát, tổng hợp số liệu, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026.

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Trong năm học 2025 - 2026, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo đã quan tâm chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn triển khai nghiêm túc các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng về nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục. Các nhà trường đã xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với đổi mới quản trị nhà trường, nâng cao chất lượng dạy học, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và học sinh.

Các trường đã chủ động ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số năm học 2025 - 2026; thành lập hoặc kiện toàn bộ phận, tổ, ban chỉ đạo chuyển đổi số; phân công cán bộ đầu mối phụ trách cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý trường học, học bạ số, chữ ký số, thanh toán không dùng tiền mặt, học liệu số và bảo

đảm an toàn thông tin. Công tác tuyên truyền, quán triệt được thực hiện thông qua họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn, nhóm Zalo, website, fanpage và các kênh thông tin nội bộ của nhà trường.

Nhìn chung, nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về vai trò của chuyên đổi số trong giáo dục có chuyển biến tích cực; nhiều giáo viên đã chủ động khai thác công nghệ, học liệu số và các công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại, bước đầu tiếp cận và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong soạn giảng, thiết kế học liệu, xây dựng câu hỏi, hình ảnh, video minh họa phục vụ bài học.

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thống kê giáo dục

Các cơ sở giáo dục đã triển khai cập nhật dữ liệu học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, lớp học, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Việc cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu được thực hiện định kỳ, phục vụ công tác thống kê, quản lý, báo cáo và điều hành của ngành giáo dục.

100% cơ sở giáo dục báo cáo có triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối với cơ sở dữ liệu ngành. Các phần mềm được sử dụng gồm quản lý học sinh, quản lý điểm, học bạ số, sổ điểm điện tử, quản lý phổ cập giáo dục, quản lý nhân sự, tài sản, kế toán, dinh dưỡng, tuyển sinh đầu cấp, quản lý văn bản điện tử và các nền tảng kết nối giữa nhà trường với phụ huynh học sinh.

Việc triển khai học bạ số được các trường tiểu học, trung học cơ sở thực hiện theo hướng dẫn của ngành. Theo số liệu tổng hợp, khối phổ thông đã tạo lập 3.919/3.926 học bạ số, đạt khoảng 99,82%. Đối với cấp học mầm non, các trường cơ bản chưa thuộc diện bắt buộc triển khai học bạ số trong năm học này, tuy nhiên đã chuẩn bị dữ liệu định danh, hồ sơ trẻ và hạ tầng phục vụ việc triển khai khi có hướng dẫn chính thức.

Chữ ký số được triển khai tại hầu hết các cơ sở giáo dục, sử dụng trong ký duyệt văn bản điện tử, hồ sơ chuyên môn, học bạ số, báo cáo và giao dịch hành chính trên môi trường số. Việc sử dụng chữ ký số góp phần giảm hồ sơ giấy, rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao hiệu quả quản trị và tính pháp lý của hồ sơ điện tử.

Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân được các trường quan tâm thông qua việc phân quyền tài khoản, đặt mật khẩu bảo mật, cài đặt phần mềm phòng chống virus, sao lưu dữ liệu định kỳ, quán triệt không chia sẻ thông tin cá nhân của trẻ em, học sinh và dữ liệu nội bộ khi chưa được phép.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

Các trường đã tích cực phát triển, khai thác và sử dụng học liệu số phục vụ hoạt động dạy học, chăm sóc, giáo dục trẻ và học sinh. Học liệu số gồm bài giảng điện tử, video bài giảng, trò chơi tương tác, ngân hàng câu hỏi, hình ảnh trực quan, sách điện tử, tài liệu chia sẻ qua mã QR, Google Drive, Google Classroom, website, fanpage, Zalo nhóm lớp và các nền tảng trực tuyến khác.

Toàn xã có tối thiểu 1.298 học liệu số dùng chung được các cơ sở giáo dục báo cáo xây dựng mới trong năm học. Một số đơn vị có số lượng học liệu số nổi bật như THCS Đồng Minh, MN Tiên Phong, TH Vĩnh Phong - Tiên Phong, MN Cộng Hiền. Qua đó góp phần đổi mới phương pháp dạy học, tăng tính trực quan, sinh động, tạo hứng thú học tập và hỗ trợ giáo viên trong việc tổ chức hoạt động giáo dục.

Về LMS và dạy học trực tuyến, các trường tiểu học, trung học cơ sở cơ bản đã khai thác các nền tảng quản lý học tập hoặc nền tảng tương tự như Google Classroom, Microsoft Teams, Zoom, EnetViet, Quizizz, Kahoot, ClassPoint để giao bài, chia sẻ tài liệu, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ học sinh tự học. Đối với cấp mầm non, do đặc thù không tổ chức dạy học trực tuyến, các trường chủ yếu tận dụng nền tảng số để lưu trữ học liệu, trao đổi với phụ huynh và hỗ trợ phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình.

Việc ứng dụng AI trong dạy học, quản lý và xây dựng học liệu đã được 14/14 đơn vị báo cáo triển khai. Mức độ ứng dụng chủ yếu ở giai đoạn bước đầu, tập trung vào hỗ trợ tìm ý tưởng, thiết kế hình ảnh, video minh họa, xây dựng câu hỏi, trò chơi giáo dục, soạn giáo án, tạo bài giảng điện tử và cá thể hóa một số hoạt động học tập. Đây là hướng triển khai tích cực nhưng cần tiếp tục được bồi dưỡng sâu để sử dụng đúng mục đích, bảo đảm an toàn dữ liệu, bản quyền học liệu và đạo đức nghề nghiệp.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

Các nhà trường đã duy trì công tác tự kiểm tra, rà soát việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục. Nội dung kiểm tra tập trung vào tiến độ cập nhật cơ sở dữ liệu ngành, sử dụng phần mềm quản lý, học bạ số, chữ ký số, hồ sơ điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, xây dựng học liệu số, ứng dụng CNTT trong dạy học và bảo đảm an toàn thông tin.

Qua kiểm tra, các đơn vị đã kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên còn hạn chế kỹ năng thao tác phần mềm, khắc phục sai sót trong nhập liệu, rà soát thiết bị, đường truyền Internet, đồng thời bổ sung các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Một số trường đã thực hiện hỗ trợ theo hình thức giáo viên cốt cán kèm giáo viên

còn khó khăn trong ký số, nhập liệu, khai thác học liệu số và sử dụng nền tảng dạy học trực tuyến.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

Số liệu dưới đây được tổng hợp từ báo cáo của các cơ sở giáo dục. Đối với một số chỉ tiêu các trường báo cáo chưa thống nhất giữa phần thuyết minh và bảng số liệu, Ủy ban nhân dân xã ghi nhận để tiếp tục yêu cầu rà soát, chuẩn hóa trước khi cập nhật, báo cáo chính thức trên hệ thống.

Cấp học	Số trường	Kết quả nổi bật về quản trị, CSDL	Tập huấn năng lực số	Học liệu số	Học bạ số/hồ sơ số
Mầm non	06	6/6 có kết nối Internet; 6/6 sử dụng phần mềm quản trị, CSDL ngành	195/195 giáo viên được tập huấn	672 học liệu số	Mầm non chưa thuộc diện bắt buộc học bạ số; các trường đã chuẩn bị dữ liệu, hạ tầng
Tiểu học	06	6/6 có kết nối Internet; 6/6 triển khai học bạ số, chữ ký số, phần mềm quản trị	163/163 giáo viên được tập huấn	571 học liệu số	3423/3425 học bạ số đã tạo lập;
THCS	04	4/4 có kết nối Internet; 4/4 triển khai CSDL ngành, học bạ số, chữ ký số	130/130 giáo viên được tập huấn	1167 học liệu số	2996/3002 học bạ số đã tạo lập
Toàn xã	16	16/16 đơn vị có kết nối Internet, triển khai giải pháp an toàn môi trường giáo dục số	488/488 giáo viên được tập huấn	Tối thiểu 2410 học liệu số	Khôi phục thông tạo lập 6419/6427 học bạ số, đạt khoảng 99,87%

STT	Chỉ tiêu	Kết quả tổng hợp	Nhận xét
1	Cơ sở giáo dục có khai thác phần mềm quản trị trường học kết nối CSDL ngành	16/16 đơn vị	Đạt 100%
2	Cơ sở giáo dục có kết nối Internet băng thông rộng	16/16 đơn vị	Đạt 100%
3	Triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số	16/16 đơn vị	Đạt 100%
4	Giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	488/488 giáo viên	Đạt 100% theo số liệu các trường báo cáo
5	Cơ sở giáo dục báo cáo có ứng dụng AI trong dạy học/hoạt động giáo dục	16/16 đơn vị	Chủ yếu ở mức bước đầu, hỗ trợ thiết kế bài giảng, hình ảnh, học liệu, câu hỏi
6	Triển khai mô hình STEM/STEAM có ứng dụng CNTT	16/16 đơn vị	Đạt 100%
7	Phòng/lớp học thông minh	5/16	Nhiều trường chưa có; một số trường mới có 01 phòng/lớp
8	Bảng/màn hình tương tác	Còn hạn chế	Một số trường có từ 01 đến 05 phòng/lớp, nhiều trường chưa có
9	Học bạ số khôi phục thông	6419/6427 học bạ	Đạt khoảng 99,87%
10	Học liệu số dùng chung xây dựng mới	Tối thiểu 2410 học liệu	Số liệu tính theo báo cáo của các trường,

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công tác chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục được thực hiện nghiêm túc, cơ bản đồng bộ ở các cấp học. Các trường đã có kế hoạch, phân công cán bộ đầu mối, triển khai cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản trị trường học, học bạ số, chữ ký số và bảo đảm an toàn thông tin.

Cơ sở dữ liệu ngành được quan tâm cập nhật, khai thác phục vụ công tác quản lý, thống kê và điều hành. Các trường phổ thông đã triển khai học bạ số đạt tỷ lệ cao; chữ ký số được sử dụng ngày càng thường xuyên trong xử lý văn bản, hồ sơ chuyên môn và học bạ điện tử.

Hoạt động dạy học, chăm sóc, giáo dục trẻ và học sinh có nhiều chuyển biến trong việc sử dụng học liệu số, nền tảng số, phần mềm hỗ trợ dạy học. Giáo viên đã tích cực xây dựng bài giảng điện tử, video, trò chơi tương tác, ngân hàng câu hỏi; nhiều đơn vị bước đầu triển khai STEM/STEAM gắn với ứng dụng CNTT và tiếp cận AI trong hoạt động giáo dục.

Dịch vụ trực tuyến, tuyển sinh trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và kết nối giữa nhà trường với phụ huynh được chú trọng. Công tác truyền thông giáo dục trên website, fanpage, nhóm lớp, ứng dụng liên lạc điện tử được duy trì, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa gia đình và nhà trường.

2. Tồn tại, hạn chế

Hạ tầng CNTT ở một số trường chưa đồng bộ; số phòng học thông minh, bảng/màn hình tương tác, phòng học STEM, thư viện số còn ít, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học và chuyển đổi số trong giai đoạn hiện nay.

Việc khai thác LMS, học liệu số và AI giữa các giáo viên chưa đồng đều; một số giáo viên mới dừng ở mức sử dụng cơ bản, còn hạn chế trong thiết kế bài giảng số, khai thác dữ liệu, xây dựng học liệu tương tác và sử dụng AI an toàn, hiệu quả.

Một số báo cáo của cơ sở giáo dục còn có chỉ tiêu chưa thống nhất, nhất là số người học, số người học được quản lý bằng hồ sơ số, số thiết bị/cơ sở vật chất được số hóa. Một số trường tiểu học ghi số người học trong bảng chỉ tiêu chưa khớp với số học sinh thuyết minh trong báo cáo; một số trường mầm non có số người học được định danh cao hơn tổng số người học. Nội dung này cần được tiếp tục rà soát, chuẩn hóa trước khi gửi báo cáo chính thức.

Việc số hóa, quản lý hồ sơ số đối với cơ sở vật chất, thiết bị ở một số đơn vị còn hạn chế; có đơn vị chưa cập nhật đầy đủ thiết bị, tài sản vào hồ sơ số hoặc chưa lượng hóa rõ trong biểu báo cáo.

3. Nguyên nhân

Nguồn kinh phí đầu tư hạ tầng số, thiết bị dạy học số, phòng học thông minh, thư viện số còn hạn chế; nhiều thiết bị đã được trang bị nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu khai thác chuyên sâu.

Năng lực ứng dụng công nghệ của đội ngũ giáo viên không đồng đều; một bộ phận giáo viên còn tâm lý ngại đổi mới, thiếu thời gian tự học, tự bồi dưỡng hoặc chưa được tập huấn chuyên sâu về AI, LMS, học liệu số và an toàn dữ liệu.

Công tác tổng hợp số liệu tại một số đơn vị chưa chặt chẽ; biểu mẫu báo cáo còn được hiểu chưa thống nhất giữa các trường, dẫn đến sai lệch giữa phần thuyết minh và bảng chỉ tiêu.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; đưa nội dung chuyển đổi số vào kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn và tiêu chí thi đua của từng đơn vị.

Rà soát, chuẩn hóa toàn bộ dữ liệu học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, thiết bị trên cơ sở dữ liệu ngành; yêu cầu các trường kiểm tra, đối chiếu lại các chỉ tiêu còn chênh lệch, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”, phục vụ quản lý và báo cáo thống kê.

Hoàn thiện việc tạo lập học bạ số đối với các trường phổ thông, đặc biệt là các trường còn thiếu học bạ số; tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên sử dụng chữ ký số, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử và hồ sơ chuyên môn điện tử đúng quy định.

Đẩy mạnh bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tổ chức sinh hoạt chuyên môn, tập huấn chuyên đề về xây dựng học liệu số, khai thác LMS, ứng dụng AI trong dạy học, kiểm tra đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Tăng cường xây dựng, chia sẻ kho học liệu số dùng chung theo cấp học, môn học, chủ đề; khuyến khích giáo viên tham gia các cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử, học liệu số, ứng dụng CNTT, AI trong dạy học và quản lý.

Tiếp tục tham mưu cấp có thẩm quyền quan tâm đầu tư hạ tầng số, đường truyền Internet, thiết bị dạy học số, bảng tương tác, phòng học thông minh, thư viện

số và thiết bị phục vụ giáo dục STEM/STEAM, ưu tiên các trường còn khó khăn về cơ sở vật chất.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng tiếp tục quan tâm hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức tập huấn chuyên sâu về chuyên đổi số, học bạ số, cơ sở dữ liệu ngành, an toàn thông tin, ứng dụng AI trong giáo dục và thống nhất biểu mẫu báo cáo để các đơn vị cơ sở thực hiện đồng bộ.

Đề nghị cấp có thẩm quyền quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư hạ tầng CNTT, thiết bị dạy học số, phòng học thông minh, bảng tương tác, thư viện số, thiết bị STEM/STEAM cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã, nhất là các trường còn thiếu thiết bị hoặc thiết bị chưa đồng bộ.

Đề nghị các cơ sở giáo dục tiếp tục rà soát lại số liệu đã báo cáo; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, nhất là các chỉ tiêu về tổng số người học, hồ sơ số, học bạ số, chữ ký số, thiết bị/cơ sở vật chất được quản lý bằng hồ sơ số; gửi kết quả rà soát về Ủy ban nhân dân xã qua Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, theo dõi.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Phòng Văn hóa - Xã hội;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hà

PHỤ LỤC

Tổng hợp một số chỉ tiêu theo báo cáo của các cơ sở giáo dục

Ghi chú: Dấu () thể hiện số liệu cần tiếp tục rà soát do báo cáo của đơn vị còn chênh lệch giữa phần thuyết minh và bảng chỉ tiêu.*

STT	Đơn vị	Người học được quản lý bằng hồ sơ số	Học bạ số	Học liệu số	Chữ ký số CBQL/GV	Ghi chú
1	MN Cộng Hiền	394	0	100	27/27	MN: chưa triển khai HBS
2	MN Đông Minh	131*	0	15	Chưa tách rõ	Rà soát số liệu
3	MN Hưng Nhân	171	0	17	18/18	CSVC chưa lượng hóa
4	MN Thanh Lương	248	0	55	21/21	Có LMS
5	MN Tiên Phong	282*	0	147	27/27	Rà soát số liệu
6	MN Vĩnh Phong	131*	0	15	Chưa tách rõ	Rà soát số liệu
7	TH Cộng Hiền	467	467/467	Trên 40	26/26	Rà soát tổng người học
8	TH Đông Minh	470	470/470	Trên 40	22/22	Rà soát tổng người học
9	TH Thanh Lương	359	359/359	50	18/18	Rà soát tổng người học
10	TH Vĩnh Phong - Tiên Phong	668	665/668	109	36/36	Còn 03 HBS
11	THCS Cộng Hiền	435	435/435	36	25/25	Thiếu PHTM/STEM
12	THCS Đông Minh	490	490/490	558	22/22	Học liệu nổi bật
13	TH&THCS Hưng Nhân	395	391/395	26	22/23	Còn 04 HBS, 01 CKS
14	THCS Tiên Phong - Vĩnh Phong	642	642/642	90	Chưa tách rõ	TTKDTM đạt 100%